

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LANG CHÁNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 8 năm 2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LANG CHÁNH, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Tám

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Nhất
- Ông Lê Hồng Thức

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Đ, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn P, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 14/3/2023, được bổ sung trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lương Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn P tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48, ngày 08/11/2017. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng luôn hòa thuận, hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do anh P không tu chí làm ăn, quan hệ với nhiều đối tượng xấu, hay tụ tập rượu chè, mỗi lần say rượu anh P lại gây gỗ với hàng xóm, chửi bới, dọa nạt và đánh đập chị. Do kinh tế khó khăn nên chị phải đi xuất khẩu lao động, hàng tháng chị gửi tiền về nhưng anh P không tiết kiệm, dành dụm mà tiêu sài hoang phí nên kinh tế không được cải thiện. Sau khi về nước chị tiếp tục đi làm ăn ở thành phố Hải Phòng, do lúc đầu gặp nhiều khó khăn lại được một người đàn ông giúp đỡ nên chị mang ơn họ và trong một lần thiếu suy nghĩ, không kiềm chế được bản thân chị đã có quan hệ với người đàn ông đó, bị anh P bắt quả tang. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm nhau. Tình trạng trên kéo dài, làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, ngột ngạt. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 07/2018 đến nay chị và anh P ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con:

Về con chung: Chị và anh Lê Văn P có 04 con chung là các cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 10/02/2003, Lê Thị L1, sinh ngày 02/03/2006, Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 01/01/2016. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Lê Thị L1, Lê Thị Kiều T và Lê Thị Ngọc T1. Hiện nay chị đang làm công nhân tại thành phố Hải Phòng, có nơi ở và có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu nên không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Lê Thị Ngọc L đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con riêng: Trước khi chung sống với anh Lê Văn P, chị đã có 01 con riêng là cháu Lương Hồng T2, sinh ngày 01/6/1999. Hiện nay cháu T2 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và ở cùng ông bà ngoại tại bản Đôn, xã L, huyện L. Cháu T2 đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh và là con riêng của chị nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị Lương Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị là thành viên trong hộ nghèo, đã được Tòa án giải thích quyền, nghĩa vụ và hướng dẫn làm thủ tục đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án, án phí, nhưng do công việc bận và số tiền án phí không nhiều, nên chị không yêu cầu miễn án phí, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong bản tự khai ngày 10/5/2023, được bổ sung trong biên bản hoàn giải và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Việc anh và chị Lương Thị Đ kết hôn, thời gian và nơi đăng ký kết hôn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn như chị Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân là do chị Đ có quan hệ ngoại tình bị anh bắt quả tang. Anh đã tha thứ và cho chị Đ cơ hội để sửa sai nhưng chị Đ không thay đổi. Kể từ đầu năm 2019, chị Đ đi làm ăn tại thành phố Hải Phòng, cũng từ đó đến nay anh và chị Đ ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung

không có hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

Về con:

Về con chung: Anh và chị Lương Thị Đ có 04 con chung, họ tên, ngày tháng năm sinh của các con như chị Đ trình bày là đúng. Hiện nay cháu L đã trên 18 tuổi, nhưng cháu L đang học đại học, chi phí ăn học vẫn do bố mẹ chu cấp. Anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 cháu Lê Thị Ngọc L, Lê Thị L1, Lê Thị Kiều T và Lê Thị Ngọc T1; yêu cầu chị Đ cấp dưỡng cho mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng, cả 04 cháu là 4.000.000 đồng /tháng. Về thời gian cấp dưỡng: Đối với cháu L cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi học xong đại học; các cháu L1, K, Ngọc T1 cấp dưỡng từ khi Tòa án có quyết định cho ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Anh không đồng ý giao các con cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng vì chị Đ đã ngoại tình nên không đủ tư cách đạo đức để nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về con riêng: Trước khi chung sống với anh, chị Lương Thị Đ đã có 01 con riêng là cháu Lương Hồng T2, sinh ngày 01/6/1999. Hiện nay cháu T2 đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và ở cùng ông bà ngoại tại bản Đôn, xã L, huyện L. Cháu T2 là con riêng của chị Đ nên anh không có trách nhiệm đối với cháu T2 và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh là thành viên trong hộ nghèo giai đoạn 2022-2025, nên đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí cho anh.

Toà án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi chị Đ, anh P cư trú về một số nội dung có liên quan trong vụ án, kết quả xác minh:

Về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp: Đại diện thôn Tân Phong, đại diện Công an và UBND xã T cho biết: Trước năm 2017 chị Lương Thị Đ và anh Lê Văn P chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, đến năm 2017 được thôn và xã vận động chị Đ và anh P mới đăng ký kết hôn và được UBND xã T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 08/11/2017. Đến khoảng năm 2020, giữa chị Đ và anh P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Đ có quan hệ ngoại tình; còn anh P không tu chí làm ăn, có quan hệ với nhiều đối tượng xấu, hay tụ tập rượu chè, gây gỗ với hàng xóm và đã bị Công an xã gọi nhắc nhở nhiều lần; anh P còn tham gia đánh bạc trái phép, đầu năm 2021 bị Công an xã xử phạt vi phạm vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Hiện nay, anh P thuộc đối tượng quản lý, theo dõi của Công an xã.

Về con và điều kiện nuôi con: Chị Đ có 01 con riêng là con trai; chị Đ và anh P có 04 con chung, đều là con gái. Các cháu đều khỏe mạnh, chăm ngoan và học giỏi. Trong thời gian nghỉ hè các cháu ở cùng chị Đ tại thành phố Hải Phòng, thời gian còn lại các cháu ở cùng anh P tại thôn T, xã T, huyện L. Trong thời gian cư trú tại địa phương, chị Đ luôn chấp tốt quy định của pháp luật, nội quy, hương ước của địa phương; còn anh P đang thuộc diện quản lý, theo dõi của Công an xã. Hiện nay, chị Đ đang làm công nhân có việc làm và thu nhập ổn định, còn anh P làm nghề tự do, chủ yếu là thu mua ve chai, sắt vụn, thu nhập không ổn định, nhưng mức thu

nhập của mỗi người là bao nhiêu thôn và xã không biết cụ thể.

Tại phiên toà, Đại diện VKS phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”; nơi cư trú của bị đơn tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị Lương Thị Đ, anh Lê Văn P và bản sao Trích lục kết hôn số 48/TLKH-BS ngày 14/3/2023 do UBND xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp, đủ cơ sở xác định: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị Đ và anh Lê Văn P là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Đ, ý kiến của anh P, Hội đồng xét xử thấy: Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, chị Đ đều có nguyện vọng được ly hôn anh P; anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Đ.

Xét mâu thuẫn vợ chồng, thấy: Căn cứ lời trình bày của chị Đ, anh P và kết quả xác minh tại nơi cư trú của các đương sự thì giữa chị Đ và anh P thường xuyên cãi vã, chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Nguyên nhân là do chị Đ có quan hệ ngoại tình, còn anh P không tu chí làm ăn, hay tụ tập uống rượu say rồi gây gổ với hàng xóm, chửi bới, dọa nạt và đánh đập chị Đ, tham gia đánh bạc trái phép làm cho kinh tế gia đình lâm vào tình trạng khó khăn. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đã hoà giải nhiều lần, nhưng không có kết quả; chị Đ và anh P đã có thời gian ly thân nhưng tình cảm không được cải thiện. Tòa án đã tổ chức hoà giải, tạo điều kiện để chị Đ và anh P giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành. Đến nay cả chị Đ và anh P đều có nguyện vọng được ly hôn. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh P không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ, quyết định cho chị Đ và anh P ly hôn.

[4] Về con: Căn cứ lời trình bày của chị Lương Thị Đ, anh Lê Văn P, kết quả xác minh tại địa phương và bản sao Giấy khai sinh của các cháu L, L1, Ngọc T1 và Kiều T, đủ cơ sở xác định: Chị Đ có 01 con riêng là cháu Lương Hồng T2, sinh

ngày 01/6/1999; chị Đ và anh P có 04 con chung là các cháu Lê Thị Ngọc L, sinh ngày 10/02/2003, Lê Thị L1, sinh ngày 02/03/2006, Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/01/2016.

Về con chung: Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và điều kiện nuôi con của chị Lương Thị Đ, anh Lê Văn P, thấy:

Đối với cháu Lê Thị Ngọc L, cháu L đã trên 18 tuổi, có năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động, cháu L có việc làm và thu nhập tự nuôi sống bản thân và không có yêu cầu gì. Chị Đ không yêu cầu giao nuôi con đối với cháu L, giữa chị Đ và anh P không có thỏa thuận nào khác. Do đó, yêu cầu của anh P về việc giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đối với cháu L không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với các cháu Lê Thị L1, Lê Thị Ngọc T1 và Lê Thị Kiều T. Mặc dù cả chị Đ và anh P đều là người có lỗi dẫn đến vợ chồng phải ly hôn, nhưng cả chị Đ và anh P đều quan tâm, chăm lo và yêu thương các con, nên có quyền được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; cả 03 cháu đều có nguyện vọng được ở với chị Đ. Tuy nhiên, hiện nay thu nhập của chị Đ chỉ khoảng 10.000.000 đồng/ tháng, sau khi ly hôn chị Đ còn phải thuê nhà để ở; còn anh P có nơi ở ổn định, nhưng anh P là lao động tự do, việc làm và thu nhập không ổn định. Xét về điều kiện kinh tế, nơi ở, môi trường kinh tế - xã hội của mỗi người sau khi ly hôn, nếu giao cả 03 cháu cho chị Đ hay anh P trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo về điều kiện kinh tế để nuôi con, ảnh hưởng xấu đến đời sống của các cháu cũng như của chị Đ, anh P mà nên giao cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, anh P trực tiếp nuôi dưỡng 01 cháu là phù hợp.

Hiện nay cháu L1 đã trên 17 tuổi, đang học năm cuối cấp 3, có khả năng tự chăm sóc bản thân và đã quen với môi trường sống tại địa phương; các cháu Ngọc T1, K đều là con gái và còn rất nhỏ, cần có sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Vì vậy, để các cháu không bị xáo trộn về cuộc sống cũng như học tập và có điều kiện phát triển một cách tốt nhất về mọi mặt nên giao cháu L1 cho anh P; giao cháu Ngọc T1 và Kiều T cho chị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ có thu nhập ổn định và cao hơn thu nhập của anh P, nhưng chị Đ phải nuôi dưỡng 02 cháu còn rất nhỏ và phải chi phí để thuê nơi ở; còn anh P có thu nhập thấp hơn nhưng chỉ phải nuôi 01 cháu đã trên 17 tuổi, có sức khỏe, có thể hỗ trợ anh P trong việc làm và sinh hoạt nên chị Đ, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con riêng: Cháu Lương Hồng T2 là con riêng của chị Đ. Hiện nay cháu T2 đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân, từ trước đến nay cháu T2 không sống chung cùng chị Đ, anh P. Nay chị Đ không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản: Chị Lương Thị Đ và anh Lê Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Lương Thị Đ là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, chị Đ là thành viên trong hộ nghèo giai đoạn 2022-2025 đã được Tòa án giải thích quy định của pháp luật và hướng dẫn thủ tục để được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, nhưng

chị Đ không yêu cầu nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Chị Lương Thị Đ được ly hôn anh Lê Văn P.

Về con: Giao các cháu Lê Thị Ngọc T1, sinh ngày 01/01/2016 và Lê Thị Kiều T, sinh ngày 01/01/2016 cho chị Đ; giao cháu Lê Thị L1, sinh ngày 02/03/2006 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng; chị Đ và anh P không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Đ và anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Lương Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0015776 ngày 04/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lang Chánh. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn Lương Thị Đ, bị đơn Lê Văn P. Chị Đ và anh P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lang Chánh;
- UBND xã T, huyện L, tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV&THAHS
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Viết Tám